TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2017/DS-PT
Ngày: 14/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2016/TLPT-DS, ngày 08/8/2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1949; địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp 3, xã M1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn P1, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp 3, xã M1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Lê Văn P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông U, bà P, ông P1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc P đã nhiều lần đến nhà ông để vay tiền, cụ thể các lần như sau:

+ Ngày 23/02/2016 (âm lịch), bà P vay số tiền 50.000.000 đồng.

+ Ngày 20/03/2016 (âm lịch), bà P vay số tiền 180.000.000 đồng.

+ Ngày 01/11/2016 (âm lịch), bà P vay số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà P đã vay của ông là 330.000.000 đồng, cả ba lần vay tiền đều có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Ông đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng đến nay bà P vẫn chưa trả số tiền nêu trên cho ông. Trong quá trình vay tiền thì bà P có đóng lãi cho ông đến trước ngày 20/12/2016 (âm lịch) (nhằm ngày 17/01/2017). Bà P đóng tiền lãi cho ông bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền thì ông không nhớ cụ thể, nhưng số tiền lãi phù hợp với lãi suất theo quy định của pháp luật. Nay, ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc P và ông Lê Văn P1 (là chồng của bà P) phải liên đới trả lại cho ông số tiền vay là 330.000.000 đồng, ông không yêu cầu Tòa án xem xét phần tiền lãi từ khi vay đến trước ngày 20/12/2016, ông chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 20/12/2016 (âm lịch) (nhằm ngày 17/01/2017) đến nay (22/6/2017) tính tròn là 05 tháng với số tiền lãi là 27.390.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 357.390.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày như sau:

Bà thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn U là đúng. Ông Lê Văn P1 là chồng của bà. Hiện nay, ông P1 vẫn còn sống chung với bà P. Trong quá trình chung sống với nhau, bà có vay tiền của ông U nhiều lần, số tiền hiện tại bà còn thiếu của ông U là 330.000.000 đồng. Bà P có đóng lãi cho ông U đến trước ngày 20/12/2016 (âm lịch), khi đóng tiền lãi giữa bà và ông U, bà không xác định được là đã trả tiền lãi cho ông U là bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền vì không có làm biên nhận trả tiền lãi giữa hai bên.

Do bị bể nợ nên bà P không còn khả năng trả nợ và không đóng lãi cho ông U được. Nay, bà đồng ý trả số tiền vay và lãi suất theo yêu cầu của ông U với tổng số tiền là 357.390.000 đồng. Ngoài ra, ông U yêu cầu không xem xét phần tiền lãi từ khi vay tiền đến trước ngày 20/12/2016 bà cũng đồng ý, không khiếu nại gì về sau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P1 trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Ngọc P. Hiện nay, ông và bà P vẫn còn chung sống với nhau. Hàng ngày, ông đi làm ruộng và làm vườn còn bà P thì mua bán và làm hụi. Việc bà P vay tiền của ông U thì ông không biết, nên ông không đồng ý cùng bà P liên đới trả nợ theo yêu cầu của ông U.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn U.

Buộc chị Nguyễn Ngọc P và anh Lê Văn P1 phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền vay là 330.000.000 đồng và tiền lãi là 27.390.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 357.390.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tiền án phí là 17.850.000 đồng, chị Nguyễn Ngọc P và anh Lê Văn P1 phải liên đới chịu.

Ông Nguyễn Văn U không phải chịu án phí và được nhận lại 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 12930 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 04/7/2017, ông Lê Văn P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý liên đới trả nợ cùng bà P.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông P1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cùng bà P để trả nợ cho ông U.

Bà P đồng ý trả số tiền vay và tiền lãi theo yêu cầu của ông U, không đồng ý ông P1 liên đới cùng trả nợ.

Ông U yêu cầu ông P1 và bà P phải liên đới trả cho ông số tiền 357.390.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình cho vay và lời trình bày của các đương sự:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:

Ngày 23/02/2016 (al), bà P có đến nhà ông hỏi vay số tiền 50 triệu đồng, đến ngày 20/3/2016 (al) bà P hỏi vay tiếp 180 triệu đồng, đến ngày 01/11/2016 (al) bà P hỏi vay 100 triệu đồng. Tất cả các lần vay đều do bà P ký tên trong biên nhận, đến nay bà P vẫn chưa trả vốn gốc và tiền lãi, nên ông U khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà P cùng chồng là ông Lê Văn P1 phải trả cho ông số tiền vay vốn gốc là 330 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/12/2016 (al) nhằm ngày 17/01/2017 đến ngày 22/6/2017, tính tròn 5 tháng với số tiền lãi là 27.390.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 357.390.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc P thừa nhận lời trình bày của ông U về ngày vay tiền, số lần vay và số tiền vay là đúng sự thật. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P đồng ý trả số tiền vay vốn gốc và tiền lãi theo như yêu cầu của ông U, nhưng không đồng ý liên đới cùng ông P1 trả nợ cho ông.

[2] Nội dung kháng cáo và nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm về việc kháng cáo của ông P1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C tuyên xử, buộc ông Lê Văn P1 và vợ là bà Nguyễn Ngọc P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền vốn gốc và lãi là 357.390.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông P1 kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cùng bà P. Căn cứ ông P1 đưa ra là bà P vay tiền của ông U thì ông không hay biết, hàng ngày ông đi làm vườn, làm ruộng, bà P thì mua bán và làm hụi nên ông không đồng ý liên đới trả nợ cùng bà P. Tuy nhiên tại tờ tường trình ngày 09/5/2017, ông U cung cấp trước đây ông cùng một số người như bà Lê Thị T, Lê Thị N, Nguyễn Thị L…đến nhà bà P để đòi nợ thì ông U cam kết *"tìm vợ tôi về, tôi có trách nhiệm sẽ cùng vợ tôi trả tiền cho bà con yên lòng"* được những người đi cùng ông U ký xác nhận. Như vậy theo nội dung tờ tường trình thì ông P1 có biết việc bà P thiếu nợ và đồng ý cùng bà P trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P thừa nhận mục đích bà vay tiền của ông U là để phục vụ kinh tế gia đình, mua bán, lo cho cuộc sống chung trong gia đình và để mở cửa hàng bán quần ao may sẵn cho con gái, từ khi vay tiền đến nay bà và ông P1 vẫn còn sống chung với nhau. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông P1 thừa nhận việc lo cho con ăn học, sinh hoạt trong gia đình là do bà P lo, như vậy bà P vay tiền nhằm mục đích sinh hoạt cho gia đình.

[3] Từ các nội dung trên, có đủ căn cứ chứng minh việc bà P thiếu nợ của ông U, ông P1 có hay biết. Bà P thừa nhận vay tiền về là để lo cho kinh tế chung trong gia đình, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P1 có trách nhiệm liên đới cùng

bà P trả nợ cho ông U là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình. Do đó, kháng cáo của ông P1 là chưa có cơ sở để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông P1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn P1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn U.

Buộc bà Nguyễn Ngọc P và ông Lê Văn P1 phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền vay là 330.000.000 đồng và tiền lãi là 27.390.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 357.390.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc P và ông Lê Văn P1 phải liên đới chịu 17.850.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn U không phải chịu án phí và được nhận lại 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 12930 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn P1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15696 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, (Y).

Huỳnh Thanh Mỹ